

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày: 11-8-2020
“V/v Tranh chấp nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2020/TLST-DS, ngày 30/6/2020 về việc “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn K - sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn U – sinh năm 1974; Bà Phạm Thị N - sinh năm 1973 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Văn K trình bày:

Thời gian vào năm 2017, anh có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Phạm Thị N và ông Trần Văn U làm chủ, gồm các dây hụi sau:

- Dây hụi 500.000đ/tháng: Xô ngày 20/6/2017 al, có 32 chân, anh chơi 01 chân, dây hụi này chưa mãn nhưng vợ chồng bà N tuyên bố ngưng hụi, anh chưa hốt hụi và đã đóng 14 lần được số tiền 4.200.000đ (tiền vốn đã đóng).

- Dây hụi 1.000.000đ/tháng: Xô ngày 09/4/2017 al, có 28 chân, anh chơi 01 chân, dây hụi này chưa mãn nhưng vợ chồng bà N tuyên bố ngưng hụi, anh chưa hốt hụi và đã đóng 18 lần được số tiền 12.600.000đ (tiền vốn đã đóng).

Sau khi tuyên bố bế hụi, vợ chồng bà N, ông U còn nợ anh 24.000.000đ (tính theo hụi chết) đã trả được 7.800.000đ và còn nợ lại số tiền 16.200.000đ nhưng đến nay vẫn chưa trả. Anh đã nhiều lần đến yêu cầu vợ chồng bà N trả nợ

nhưng ông U, bà N chỉ cam kết và hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Tại phiên tòa, anh Ngô Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị N và ông Trần Văn U phải trả cho anh số tiền hui là 16.200.000đ (mười sáu triệu, hai trăm nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2020 và Biên bản hòa giải ngày 13/7/2020, bị đơn bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U trình bày:

Bà N, ông U thừa nhận: Anh K có tham gia chơi hui do vợ chồng ông bà làm chủ. Các chân hui, dây hui và số lần đóng hui như anh K kê ra là đúng. Sau khi tuyên bố bẻ hui, ông bà xác nhận còn nợ anh K 16.200.000đ nhưng ông bà đã bàn giao cho bà P thực hiện nghĩa vụ trả số tiền này cho anh K. Nay, do bà P không trả số tiền trên cho anh K nên ông bà đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả 16.200.000đ cho anh K và hẹn trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hui” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 471, 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biếu, phường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn K buộc bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền nợ hui là 16.200.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên anh Ngô Văn K khởi kiện bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U về việc “Tranh chấp nợ hui” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U với tư cách là bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nhưng không có lý do. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 227 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Thời gian vào năm 2017, giữa anh Ngô Văn K và bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U có thỏa thuận góp hui với nhau, vợ chồng bà N, ông U làm chủ hui, anh K là thành viên trong các dây hui: Dây hui 500.000đ/tháng, xổ ngày 20/6/2017 al và dây hui 1.000.000đ/tháng, xổ ngày 09/4/2017 al. Quá trình chơi hui, anh K thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hui của 02 dây hui trên cho đến khi vợ chồng bà N ngưng xổ hui. Tuy nhiên, từ khi

ngưng xỏ hụi đến nay, vợ chồng bà N vẫn chưa giao tiền hụi đầy đủ cho anh K nên anh K khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi còn lại. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hụi như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của anh K buộc vợ chồng bà N, anh Út phải trả số tiền nợ hụi là 16.200.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông U đều thừa nhận số tiền hụi còn nợ anh K là 16.200.000đ nhưng hẹn trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. HĐXX thấy rằng, bà N, ông U không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền hụi theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phượng và yêu cầu xin trả nợ dần của ông bà cũng không được anh K đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K và buộc bà N, ông U có trách nhiệm thanh toán số nợ hụi này cho anh K là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 810.000đ (16.200.000đ x 5%) do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Anh Ngô Văn K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn K.

Buộc bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả cho anh Ngô Văn K số tiền 16.200.000đ (mười sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh K cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà N, ông U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 810.000đ (tám trăm mười nghìn đồng).

Anh Ngô Văn K không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 405.000đ (bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005083, ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung

năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Văn Tôn